

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 499 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 11 -2022.

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hữu Danh

2/ Ông Trần Thành Chúng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 754/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *N1 đơn:* Bà **Nguyễn Bảo N**, sinh năm 1997 - Địa chỉ: 3110A, khóm HT, phường Mỹ Thạnh, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1993 - Địa chỉ: Số nhà 336, tổ 14, ấp PT, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2022 cùng với các T liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà N trình bày: Hôn nhân giữa bà với ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 23/11/2020. Thời gian chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, không hòa hợp và cả hai đã không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, thời gian không chung sống bà và ông T đều không có liên lạc qua lại cũng như không có ý định tiếp tục hôn nhân. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn.

Con chung: Trần Phúc N1, sinh ngày 18/10/2020, hiện nay sống với bà N Ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T theo quy định và ông nhận trực tiếp nhưng không tham gia hoà giải và không có ý kiến.

Tại phiên tòa, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến. Ông T vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Bảo N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T. Ông T có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà N và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông T thì thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp và cả hai đã không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, thời gian không chung sống cả ông T và bà N đều không có ý định tiếp tục hôn nhân; tại các phiên hoà giải bà N vẫn kiên quyết ly hôn; ông T vắng mặt không tham gia các phiên hoà giải để tìm biện pháp hàn gắn lại tình cảm vợ chồng mặc dù đã được tổng đạt trực tiếp các Thông báo tố tụng của Tòa án về nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà N. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Cháu Trần Phúc N1, sinh ngày 18/10/2020, đến thời điểm xét xử chưa đủ 03 tuổi, hiện đang sống với mẹ và bà N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung, ông T không có không tranh chấp việc nuôi con chung. Do vậy, giao cho bà N được tiếp tục nuôi dạy con chung.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, không đề cập trong phần quyết định.

[5] Về T sản chung, nợ chung:

Do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp sau này bà N và ông T có tranh chấp về việc chia T sản chung, giải quyết các khoản nợ chung thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Bảo N được ly hôn với ông Trần Văn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 173 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 23/11/2020 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà N được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Phúc N1, sinh ngày 18/10/2020, hiện đang sống với bà N.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Bà Nguyễn Bảo N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0007212 ngày 12/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- Các đương sự (2);

- *THADS huyện AP (1);*
- *UBND xã LX, AP (1);*
- *Lưu VP (1);*
- *Lưu HS (1).*

Nguyễn Quang Bảo